

Số: /2023/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Các Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế

QUY ĐỊNH

Việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH; QUY TRÌNH BẢO TRÌ, MỨC CHI PHÍ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

Điều 3. Tổ chức quản lý, vận hành công trình

1. Ủy ban nhân dân xã quyết định giao Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý, vận hành công trình.

2. Sau khi nhận bàn giao công trình Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn có trách nhiệm quản lý, vận hành công trình theo đúng công năng sử dụng của công trình.

Điều 4. Nội dung thực hiện quản lý, vận hành công trình

1. Xây dựng nội quy sử dụng, bảo vệ và khai thác công trình.
2. Chuẩn bị kế hoạch, phương án bảo vệ công trình.
3. Lắp đặt biển báo, niêm yết nội quy tại công trình.
4. Tổ chức bảo vệ công trình thường xuyên và trong các tình huống nguy hiểm (chẳng hạn như: hỏa hoạn, thiên tai,...).
5. Vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật; đúng nội quy sử dụng, bảo vệ và khai thác công trình.
6. Kiểm tra định kỳ thường xuyên, trước và sau các tình huống nguy hiểm để có biện pháp phòng chống giảm thiểu rủi ro, thiệt hại. Ngay sau khi kết thúc tình huống nguy hiểm phải tiến hành kiểm tra công trình, xác định các hư hỏng, đề ra các giải pháp khắc phục nhằm đảm bảo công trình được hoạt động bình thường.

Điều 5. Quy trình bảo trì công trình

1. Nội dung chính của quy trình bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
2. Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
3. Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
4. Việc áp dụng tiêu chuẩn về bảo trì công trình đã có hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Mức chi phí bảo trì công trình

1. Chi phí bảo trì công trình được xác định theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.
2. Mức chi phí bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 7. Trách nhiệm của các sở**

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Thông tin và Truyền thông thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình thuộc phạm vi chức năng quản lý.

3. Sở Tài chính: Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng nguồn kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì công trình trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, vận hành, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập kế hoạch bảo trì đối với từng loại công trình được đầu tư xây dựng.

3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về quản lý, vận hành, bảo trì công trình cho các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, vận hành, bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn thực hiện Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

1. Bàn giao công trình

a) Ủy ban nhân dân xã bàn giao công trình cho Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý.

b) Tổ chức lập, lưu trữ và bàn giao hồ sơ theo quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Phê duyệt kế hoạch bảo trì đối với từng loại công trình được đầu tư xây dựng, bố trí nguồn vốn và tổ chức thực hiện việc bảo trì công trình. Hỗ trợ xây dựng quy chế quản lý, vận hành công trình (nếu có) đối với các công trình giao cho Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn quản lý.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn thực hiện Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn

1. Nhận bàn giao công trình và hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định này.

2. Ban quản lý xã tổ chức lập kế hoạch bảo trì đối với từng loại công trình được đầu tư xây dựng (kể cả trường hợp Ủy ban nhân dân xã bàn giao công trình cho Ban phát triển thôn) trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt. Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn đề xuất Ủy ban nhân dân xã về nội dung bảo trì đối với công trình được giao quản lý, sử dụng.

3. Tổ chức thực hiện việc bảo trì công trình; lập, lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi thành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn Quy định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật./.